

PHỤ LỤC 01 KÈM THEO TỜ TRÌNH 04 ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025
BẢNG TỔNG HỢP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG SÀI GÒN (SAIGONTEL)



NỘI DUNG ĐIỀU LỆ				
	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (Những nội dung không được đề cập ở cột này là nội dung cần giữ nguyên như trong Điều lệ hiện hành)	ĐIỀU LỆ ĐIỀU CHỈNH	GIẢI TRÌNH LÝ DO VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ				
Điều 1	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: <i>i) Người có liên quan</i> là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: <i>i) Người có liên quan</i> là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;	Mặc dù điểm g, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán có dẫn chiếu: đến “ <i>Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</i> ”, tuy nhiên để cổ đông/công chúng dễ tra cứu nên cần bổ sung thêm đoạn “và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp” vào khái niệm “ <i>Người có liên quan</i> ”.	
	Không có	“ Công ty ” được quy định trong Điều Lệ này là CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG SÀI GÒN; tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAIGON TELECOMMUNICATION & TECHNOLOGIES CORPORATION và tên Công ty viết tắt: SAIGONTEL CORP.	Cần có thêm định nghĩa này vì trong Điều lệ thường hay có sử dụng từ “Công ty”.	
	Không có	“ Pháp luật ” có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Điều 4 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số	Cần có thêm định nghĩa này vì trong Điều lệ thường hay có sử dụng từ “Pháp luật”.	



	80/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.		
Không có	“ <i>Công ty con</i> ” là bất kỳ công ty nào mà Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành; hoặc có quyền trực tiếp, gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc toàn bộ thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc/Giám đốc; hoặc có quyền quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty đó;	Định nghĩa này nhằm thuận lợi hơn khi trong Điều lệ có sử dụng từ “ <i>Công ty con</i> ” (Điều 195 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14)	
Không có	“ <i>Địa bàn kinh doanh</i> ” có nghĩa là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam.	Định nghĩa này nên đưa vào Điều lệ nhằm để xác định phạm vi lãnh thổ/địa bàn kinh doanh của Công ty	
Không có	“ <i>Quy chế nội bộ về quản trị công ty</i> ” là quy chế nội bộ về quản trị công ty được Hội đồng quản trị xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và do Hội đồng quản trị ban hành, quy định về quản trị, điều hành Công ty phù hợp với quy định của pháp luật tại từng thời điểm.	Định nghĩa này nhằm thuận lợi hơn khi trong Điều lệ có dẫn chiếu đến quy chế nội bộ	
Không có	4. Các từ hoặc thuật ngữ nào được đề cập trong Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự như trong Điều lệ này.	Bổ sung khoản 4 này nhằm thống nhất các thuật ngữ trong pháp luật và trong Điều lệ.	

M. /
C. /
/

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY				
Điều 2	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty 4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty 4. Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.	- Bổ sung thêm đơn vị trực thuộc là “địa điểm kinh doanh” (Khoản 3 Điều 44 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14) - Các khoản còn lại đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định pháp luật (Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 2 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)	
Điều 3	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam;	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 1. Công ty chỉ có một (01) người đại diện theo pháp luật. Theo đó, Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty. 2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. 3. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này. 4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam. Trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân	Sửa đổi và bổ sung này nhằm diễn đạt rõ hơn về chức danh và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.	Giúp người quản lý, cổ đông chi cần đọc Điều lệ cũng nắm bắt được tương đối đầy đủ về chế định người đại diện theo pháp luật.

<p>và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.</p> <p>Trường hợp hết hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi HĐQT quyết định cử người khác thay thế.</p> <p>Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì HĐQT sẽ cử người khác thay thế.</p>	<p>khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>		
--	--	--	--

II. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY			
<p>Điều 4</p>	<p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: ... 2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty được thành lập để hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu thụ lợi nhuận tối đa cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty trên cơ sở tự tích lũy tái đầu tư để phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh. Thông qua hoạt động, Công ty góp phần đem lại hiệu quả kinh tế cao cho xã hội, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống cho người lao động trong Công ty.</p>	<p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 1. Giữ nguyên khoản 1 theo hướng liệt kê ngành nghề kinh doanh như điều lệ hiện tại 2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty được thành lập để hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu thụ lợi nhuận tối đa cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty trên cơ sở tự tích lũy tái đầu tư để phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh và bền vững. Thông qua hoạt động, Công ty góp phần đem lại hiệu quả kinh tế cao cho xã hội, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống cho người lao động trong Công ty, đồng thời đảm bảo lợi ích của các bên liên quan khác nhằm hướng đến việc phát triển bền vững và có trách nhiệm.</p>	<p>Sửa đổi này của khoản 2 nhằm nhấn mạnh hơn nữa tính bền vững và có trách nhiệm của Công ty trong quá trình kinh doanh và phát triển, đồng thời là công ty đại chúng nên cần đảm bảo lợi ích của các bên liên quan.</p>
<p>Điều 5</p>	<p>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện,</p>	<p>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty 1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và quy định trong Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của công ty. 2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề mà luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>Sửa đổi này nhằm mở rộng quyền tự do kinh doanh của Công ty. Điều 7 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14: “Quyền của doanh nghiệp: 1. Tự do kinh doanh ngành, nghề mà luật không cấm.” Điều 5 Luật đầu tư số 61/2020/QH14: “1. Nhà đầu tư có quyền thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong các ngành, nghề mà</p>

46
 PH
 VI
 G
 10

	Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.	3. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật chuyên ngành có liên quan.	<i>Luật này không cấm</i>	
--	---	--	---------------------------	--

20
Y
N
THÔNG
CHỈ

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP				
Điều 6	Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên như trong Điều lệ hiện hành vì quy định này đã phù hợp với quy định của pháp luật. (Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 6 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)	
Điều 7	Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên như trong Điều lệ hiện hành vì quy định này đã phù hợp với quy định của pháp luật. (Khoản 5 Điều 124 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 7 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)	
Điều 8	Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên như trong Điều lệ hiện hành vì quy định này đã phù hợp với quy định của pháp luật. (Điều 8 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)	
Điều 9	Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên như trong Điều lệ hiện hành vì quy định này đã phù hợp với quy định của pháp luật. (Điều 127 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 9 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)	
Điều 10	Điều 10. Thu hồi cổ phần (đôi	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên như	



	với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)		trong Điều lệ hiện hành vì quy định này đã phù hợp với quy định của pháp luật. (Điều 10 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)	
--	---	--	--	--

...
CỘNG HÒA
... 12 ...

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT				
Điều 11	Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên như trong Điều lệ hiện hành vì quy định này đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 11 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)	
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG				
Điều 12	Điều 12. Quyền của cổ đông 1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:... 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:... 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.....	Điều 12. Quyền của cổ đông - Giữ nguyên khoản 1 và khoản 2 - Bổ sung mới khoản 3 và khoản 4: 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao. 4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt	- Đề xuất giữ nguyên khoản 1 và khoản 2 như trong Điều lệ hiện hành vì quy định này đã phù hợp với quy định của pháp luật (Khoản 1 Điều 41 Luật Chứng khoán; Điều 115, khoản 2 Điều 142, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 12 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC) - Bổ sung khoản 3 và khoản 4 để làm rõ quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông của cổ đông quy định tại khoản 2 (Khoản 3 và khoản 4 Điều 115 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.) - Sửa số thứ tự khoản 3 thành khoản 5.	

03/03/2021
C
C
NGH
SÀI
T.P

		<p>quá thẩm quyền.</p> <p>5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p>		
--	--	---	--	--

2c
ĐM
P
E-VI
GÒ
IC

Điều 13	Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên như trong Điều lệ hiện hành vì quy định này đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 115, 119, khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 13 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)	
Điều 14	Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>5. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức bằng hình thức họp trực tiếp, họp trực tuyến hoặc kết hợp giữa họp trực tiếp và họp trực tuyến</p>	<p>- Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp: “3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c) <u>Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến</u>, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;</p> <p>đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.</p>	

50
TY
I AN
IN THO
N
CHI

- Điểm b, khoản 2 Điều 41 Luật Chứng khoán 2019 quy định: “b) Công ty đại chúng quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua **họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác** theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;” Đồng thời khoản 3 Điều 273 Nghị định 155 cũng quy định tương tự: “3. Công ty đại chúng quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua **họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác** theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.” Hiện tại, trong phần III – Chương 2 (từ Điều 23- Điều 34) của Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Saigontel đã

quy định rất chi tiết về phương thức hợp trực tuyến bên cạnh việc hợp trực tiếp và phương thức lấy ý kiến bằng văn bản nên đã đảm bảo tuân thủ đúng các quy định nêu trên. Tuy nhiên, Quy chế nội bộ về quản trị phải phù hợp với Điều lệ công ty, do đó đề xuất bổ sung khoản 5 Điều 14 của Điều lệ công ty như sau: “5. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức bằng hình thức hợp trực tiếp, hợp trực tuyến hoặc kết hợp giữa hợp trực tiếp và hợp trực tuyến.”

- Các khoản khác giữ nguyên như trong Điều lệ hiện hành vì quy định này đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 139, 140, khoản 3 Điều 155 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 14 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC).



<p>Điều 15</p>	<p>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>k) Phê duyệt/ Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>s) Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát</p>	<p>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>k) Phê duyệt, <i>sửa đổi, bổ sung</i> Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>s) Phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p>	<p>- Chỉ điều chỉnh thuật ngữ “<i>sửa đổi, bổ sung</i>” cho thống nhất.</p> <p>- Các nội dung còn lại giữ nguyên vì quy định này đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 138, khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 15 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)</p>	
<p>Điều 16</p>	<p>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức (không quá 3 cá nhân, tổ chức) khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>- <i>Sửa đổi khoản 1:</i></p> <p>“1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Cổ đông là tổ chức chỉ được ủy quyền cho tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>- <i>Các nội dung còn lại giữ nguyên</i></p>	<p>Điều 144 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 không có giới hạn số lượng người được ủy quyền: “1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho <i>một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác</i> dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này.”. Ngoài ra, chỉ đối với “<i>Người</i></p>	

			<p><i>đại diện theo ủy quyền cổ đông công ty là tổ chức” thì Luật Doanh nghiệp mới cho phép Điều lệ được quy định giới hạn người đại diện (Điểm b khoản 2 Điều 14 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14).</i></p> <p>- Căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 14 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 : “2. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định sau đây: b) Tổ chức là cổ đông công ty cổ phần có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông <i>có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền.”</i></p> <p>- Các nội dung còn lại giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 144 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 16 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)</p>	
--	--	--	--	--

Điều 17	Điều 17. Thay đổi các quyền	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 17 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC).	
Điều 18	Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 141, 142, 143 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 1 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Điều 18 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC).	
Điều 19	Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 145 Luật Doanh nghiệp, Điều 19 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC).	
Điều 20	Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 146 Luật Doanh nghiệp, Khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Điều 20 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)	
Điều 21	Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ	Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	- Khoản 1, khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp	

<p>đồng được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>f) Gia hạn hoạt động công ty;</p> <p>g) <i>Vấn đề khác do Điều lệ này quy định.</i></p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và <i>biểu quyết</i> tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>h) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>i) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>j) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>k) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>l) Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>m) Gia hạn hoạt động công ty;</p> <p>n) Vấn đề khác do Điều lệ này quy định.</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và <i>biểu quyết</i> tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu</p>	<p>được sửa đổi bổ sung Luật số 03/2022/QH15 (khoản 5 Điều 7), theo đó tỷ lệ thông qua các nghị quyết được tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và <i>biểu quyết</i> tại cuộc họp tán thành.</p> <p>- Tách đoạn cuối khoản 2 Điều 21 thành khoản 3: Khoản 3 quy định về bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.</p> <p>- Khoản 3 Điều lệ giữ nguyên nội dung vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp, Khoản 3 Điều 21 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC) và sửa lại số thứ tự thành khoản 4.</p>
--	---	--

576
VGT
PHÂN
VIỆN T
ÒN
Ồ C

	<p>Trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị/ và Ban kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị/ và Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.</p> <p>3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	<p>bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.</p> <p>4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>		
--	--	--	--	--

Điều 22	Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều Khoản 4 Điều 148, Điều 147, Điều 149, Luật Doanh nghiệp, Điều 22 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)	
Điều 23	Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 147 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 23 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC, Điểm c khoản 1 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT-BTC).	
Điều 24	Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 151 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 24 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)	



VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
Điều 25	Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	- Sửa khoản 2: Vì theo cấu trúc vốn và cấu trúc cổ đông của công ty đại chúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 33 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Luật số 56/2024/QH15” thì cổ đông lớn của công ty đại chúng có thể nắm đến 90% số cổ phiếu có quyền biểu quyết. - Các khoản còn lại đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Khoản 3 Điều 115 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản Điều 274 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Điều 25 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)
Điều 26	Điều 26. Thành phần và	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành	- Khoản 1 Điều 154 Luật

	<p>nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ít nhất là 05 người và nhiều nhất là 11 người.</p>	<p>viên Hội đồng quản trị</p> <p>- Sửa khoản 1: “1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ít nhất là 05 người và nhiều nhất là 11 người. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại từng thời điểm.”</p> <p>- <i>Các khoản khác của Điều này đề xuất giữ nguyên</i></p>	<p>Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 quy định: “1. Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.” Do đó Điều lệ Công ty phải có quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị để <i>để linh hoạt hơn và Công ty sẽ chủ động hơn khi xác định số lượng thành viên Hội đồng quản trị từng thời điểm/nhiệm kỳ</i></p> <p>- Các khoản khác của Điều này đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 154 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 276 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Điều 26 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)</p>	
--	---	--	---	--

11/21/2021
 09/01/2021

Điều 27	Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 153, Điều 159 Luật Doanh nghiệp, Khoản 3 Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Điều 27 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)
Điều 28.	Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 163 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 28 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)
Điều 29	Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 156 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 29 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC).
Điều 30.	Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 11. Biểu quyết b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.	- Sửa điểm b khoản 11: Điều 30. Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 11. Biểu quyết b) Thành viên Hội đồng quản trị <i>không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó</i> theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. - Các khoản khác của Điều này đề xuất giữ	- Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Khoản 4 Điều 291 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP chỉ quy định thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó, chứ

	<p>Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p>	<p><i>nguyên</i></p>	<p><i>không có quy định thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết. Việc không được biểu quyết và việc tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị là hai vấn đề khác nhau. Do vậy, Điều lệ không được quy định loại bỏ sự có mặt của thành viên Hội đồng quản trị khi tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp. Đây là quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30 Điều lệ mẫu của Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng đã hết hiệu lực.</i></p>	
--	--	----------------------	---	--

			<p>- Các khoản khác của Điều này đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 157 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 30 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)</p>	
--	--	--	--	--

Điều 31	Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 31 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)
Điều 32	Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 153, 156 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 3 Điều 281 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Điều 32 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC			
Điều 33	Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 137, 153, 162 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 33 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)
Điều 34.	Điều 34. Người điều hành Doanh nghiệp	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 137, 153, 162, 163 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 34 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)
Điều 35.	Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc	- <i>Bổ sung thêm khoản 6 vào Điều 35</i> như sau: "Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định	- <i>Bổ sung thêm khoản 6</i> này nhằm làm rõ hơn trách nhiệm của Tổng giám đốc



		<p>của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.”</p> <p><i>- Các khoản còn lại đề xuất giữ nguyên</i></p>	<p>khi điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo tinh thần quy định tại khoản 4 Điều 162 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.</p> <p><i>- Các khoản còn lại đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 162 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 35 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC</i></p>	
--	--	--	--	--

Điều 36.	Điều 36. <i>Thư ký Công ty</i>	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14).	
----------	--------------------------------	------------	---	--

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37	<p>Điều 37. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ này. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng</p>	<p>- Sửa khoản 1 Điều 37:</p> <p>Điều 37. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ này. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến đến 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên .</p> <p>- Các khoản còn lại đề xuất giữ nguyên</p>	<p>- Vì theo cấu trúc vốn và cấu trúc cổ đông của công ty đại chúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 33 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Luật số: 56/2024/QH15” thì cổ đông lớn của công ty đại chúng có thể nắm đến 90% số cổ phiếu có quyền biểu quyết.</p> <p>- Các khoản còn lại đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 168 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 285 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Điều 36 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)</p>	
---------	--	--	---	--

	viên .			
--	--------	--	--	--

26
ÔN
ỔP
HỆ
IG
1

Điều 38	Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 168, 169, 174 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 286 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Điều 37 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)
Điều 39	Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 168 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 286, 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Điều 38 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)
Điều 40	Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Điều 39 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)
Điều 41	Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 170 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 289 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Điều 40 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-

50c
 G TY
 H AN
 KI EN TH C
 ON
 5 C

			BTC)	
--	--	--	------	--

ST. C. O.
NG
MINN

Điều 42.	Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 172 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 41 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC			
Điều 43	Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 165, 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 291 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP Điều 47 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC).
Điều 44	Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 165, 166 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 48 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC).
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY			
Điều 45	Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 11, 115 Luật Doanh nghiệp, Điều 49 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN			

Điều 46	Điều 46. Công nhân viên và công đoàn	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14, Điều 50 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN			
Điều 47	Điều 47. Phân phối lợi nhuận	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 135, 138, 153 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 51 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN			
Điều 48	Điều 48. Tài khoản ngân hàng	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật thuế, kế toán, tín dụng và ngoại hối, Điều 52 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Điều 49	Điều 49. Năm tài chính	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Khoản 1 Điều 12 Luật Kế toán số 88/2015/QH13, Điều 53 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Điều 50	Điều 50. Chế độ kế toán	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Luật Kế toán số 88/2015/QH13, Điều 54

			Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC	
--	--	--	--	--

03
C
C
M
S
T

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN			
Điều 51	Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Luật Kế toán số 88/2015/QH13, Luật kiểm toán độc lập số 67/2011, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Điều 55 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)
Điều 52	Điều 52. Báo cáo thường niên	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Điều 56 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY			
Điều 53	Điều 53. Kiểm toán	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 20 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Điều 57 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP			
Điều 54.	Điều 54. Dấu của doanh nghiệp	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 43 Luật Doanh nghiệp số

			59/2020/QH14, Điều 58 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)	
--	--	--	--	--

VI
G
H
A
N
H
O
N

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY			
Điều 55.	Điều 55. Giải thể công ty 1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau: a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn; b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác; d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.	Điều 55. Giải thể công ty 1. Công ty bị giải thể trong những trường hợp sau: a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn; b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c) Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; d) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác. 2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.	- Sửa đổi khoản 1 để phù hợp với quy định tại điều 207 Luật Doanh nghiệp, Điều 59 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC - Đề xuất giữ nguyên khoản 2 vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 138, 153, 207 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14).
Điều 56.	Điều 56. Gia hạn hoạt động 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị. 2. Thời hạn hoạt động được gia	Điều 56. Gia hạn hoạt động 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị. 2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại	- Đề xuất giữ nguyên khoản 1 vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14). - Sửa đổi khoản 2 cho phù hợp với Khoản 1 Điều 148 Luật Doanh nghiệp được sửa đổi bổ sung Luật số

00
 TỶ
 N
 THON
 CHI

	hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.	cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.	03/2022/QH15 (khoản 5 Điều 7), theo đó tỷ lệ thông qua các nghị quyết được tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và <i>biểu quyết</i> tại cuộc họp tán thành.	
--	--	--	---	--

Điều 57	Điều 57. Thanh lý	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 208 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 54 Luật Phá sản số 51/2014/QH13, Điều 61 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)	
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ				
Điều 58	<p>Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:</p> <p>a) Cổ đông với Công ty; b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác; Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình</p>	<p>Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p><i>* Sửa đổi khoản 2 về lựa chọn cơ quan giải quyết tranh chấp:</i></p> <p>“2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra giải quyết tại Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền. <i>Trường hợp giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, địa điểm giải quyết tranh chấp được tiến hành tại Thành phố Hồ Chí Minh</i>”</p> <p><i>* Các khoản còn lại đề xuất giữ nguyên</i></p>	<p>Công ty/cổ đông tùy nghi lựa chọn tổ chức trọng tài nếu công ty/cổ đông là bên đi kiện (nguyên đơn) khi giữ hai bên không thỏa thuận được tổ chức trọng tài cụ thể. Khoản 5, Điều 43 Luật Trọng tài thương mại 2010 số 54/2010/QH125: “Trường hợp các bên đã có thỏa thuận trọng tài nhưng không chỉ rõ hình thức trọng tài hoặc không thể xác định được tổ chức trọng tài cụ thể, thì khi có tranh chấp, các bên phải thỏa thuận lại về hình thức trọng tài hoặc tổ chức trọng tài cụ thể để giải quyết tranh chấp. Nếu không thỏa thuận được thì việc lựa chọn hình thức, tổ chức trọng tài để giải quyết tranh chấp được</p>	



	<p>bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.</p> <p>3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.</p>		<p><i>thực hiện theo yêu cầu của nguyên đơn.”</i></p> <p>- Các khoản còn lại đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 62 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)</p>	
--	--	--	--	--



XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ			
Điều 59	Điều 59. Điều lệ công ty	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 63 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)
XXI. NGÀY HIỆU LỰC			
Điều 60.	<p>Điều 60. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 60 điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Công Nghệ - Thông Sài Gòn nhất trí thông qua theo Nghị quyết số</p> <p>..... ngày 19 tháng 04 năm 2024 tại Trung tâm hội nghị Metropole - 216 Lý Chính Thắng, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty:</p> <p>a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;</p> <p>b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;</p> <p>c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Điều 60. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản Điều lệ này gồm 21 mục, 60 điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn nhất trí thông qua theo Nghị quyết số ngày ... tháng ... năm 2025 tại ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Theo đó, Điều lệ này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2025 và thay thế toàn bộ các bản Điều lệ của Công ty đã được ban hành trước ngày bản Điều lệ này có hiệu lực.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc điều hành.</p>	Sửa lại cho phù hợp Điều 64 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)



	<p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc điều hành.</p>			
--	---	--	--	--

PHỤ LỤC 02 KÈM THEO TỜ TRÌNH 04 ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025

V/v tư vấn rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Saigontel



BẢNG TỔNG HỢP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG SÀI GÒN (SAIGONTEL)

Điều khoản	NỘI DUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY			
	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (Những nội dung không được đề cập ở cột này là nội dung cần giữ nguyên như trong Quy chế hiện hành)	QUY CHẾ ĐIỀU CHỈNH	GIẢI TRÌNH LÝ DO VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ	GHI CHÚ



CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG

<p>Điều 1</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này được xây dựng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan được đề cập trong quy chế này.</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này được xây dựng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, <i>Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan</i>, quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên</p>	<p>Bổ sung thêm Thông tư số 68/2024/TT-BTC và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để đầy đủ về phạm vi các căn cứ ban hành Quy chế này.</p>
----------------------	---	--	---

		Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan được đề cập trong quy chế này.	
Điều 2	<p>Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt</p> <p>1. Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.</p> <p>2. Thành viên độc lập HĐQT (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Công ty: là Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn</p> <p>4. HĐQT: là Hội đồng quản trị</p> <p>5. Ứng cử: là tự đề cử</p> <p>6. BKS: là Ban kiểm soát</p> <p>7. VSD: là Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam</p> <p>8. Đại biểu: là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền)</p> <p>9. Người phụ trách quản trị công ty: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>	<p>Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt</p> <p>1. “Thành viên HĐQT không điều hành” là thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.</p> <p>2. “Thành viên độc lập HĐQT” (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.</p> <p>3. “Công ty” là Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn.</p> <p>4. “HĐQT” là Hội đồng quản trị.</p> <p>5. “Ứng cử” là việc cổ đông tự đề cử.</p> <p>6. “BKS” là Ban kiểm soát.</p> <p>7. “VSDC” là Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.</p> <p>8. “Đại biểu” là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền).</p> <p>9. “Người phụ trách quản trị công ty” là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy</p>	<p>Điều chỉnh một số thuật ngữ cho phù hợp và bổ sung một số thuật ngữ mới để thuận lợi khi diễn đạt và dẫn chiếu trong các điều khoản của Quy chế này.</p>

	<p>định tại Điều 281 Nghị định Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.</p> <p>10. “Công ty” là Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn.</p> <p>11. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.</p> <p>12. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.</p> <p>13. “Nghị định số 155/2020/NĐ-CP” là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>14. “Điều lệ công ty” là Điều lệ của Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn.</p> <p>15. “BTC” là Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông</p>		
--	--	--	--

CHƯƠNG 2 – ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Mục 1	<p>Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định theo Điều</p>	Giữ nguyên	<p>Vi đã phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật</p>	
--------------	---	------------	---	--

	138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Điều 14, Điều 15 Điều lệ công ty.		Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Điều 14, Điều 15 Điều lệ công ty	
Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông				
Điều 3	Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	Giữ nguyên	Vì đã phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành (Điều 139, 140 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14) và Điều 14 Điều lệ công ty	
Điều 4	Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông	Giữ nguyên	Vì đã phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành (Điều 140 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14) và Điều 14 Điều lệ công ty. Ngoài ra các nội dung pháp luật không quy định thì Quy chế có quyền quy định thêm để đảm bảo cho công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông diễn ra theo thông lệ chung.	
Điều 5	Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Giữ nguyên	Vì đã phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành (Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP)	
Điều 6	Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	Giữ nguyên	Vì đã phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành (Điều 140 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14) và Điều 18 Điều lệ công ty.	
Điều 7	Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp	Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông 1. Cuộc họp Đại hội	- Bỏ cụm: “Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền	

	<p>quy định tại Điều 3 Quy chế này.</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;</p>	<p>đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 3 Quy chế này.</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;</p>	<p>tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng” trong điểm a khoản 1 vì đoạn này đã được đề cập ở khoản 1 Điều 5 của Quy chế này.</p> <p>- Các nội dung còn lại giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành (Điều 142 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14) và Điều 12, Điều 18 Điều lệ Công ty.</p>	
<p>Điều 8</p>	<p>Điều 8. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được qui định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.</p>	<p>Điều 8. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được qui định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông <i>phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, bao gồm nhưng không giới hạn các cách thức</i> như liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự</p>	<p>- Vì pháp luật <i>không có quy định</i> về cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông không có nghĩa vụ này, do đó cần sửa lại như đề xuất.</p> <p>- Các nội dung còn lại giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành (Điều 144 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14) và Điều 16 Điều lệ Công ty.</p>	

		Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.	
Điều 9	Điều 9. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Giữ nguyên	Giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành (Điều 145 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14) và Điều 19 Điều lệ Công ty.
Điều 10	Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	Giữ nguyên	Giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành (Điều 145 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14)
Điều 11	Điều 11. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông <ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty; 2. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty; 3. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết; 4. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty; 5. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán; 6. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; 7. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản 	Bỏ khoản 16 vì trùng nội dung với khoản 17.	- Theo khoản 31 Điều 4. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thì “Tổ chức lại doanh nghiệp” là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp. - Các khoản còn lại giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành (Điều 138, 139, 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

<p>trị, Tổng Giám đốc;</p> <ol style="list-style-type: none">8. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;9. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;10. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;11. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;12. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;13. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;14. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;15. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;16. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;17. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;18. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;19. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;20. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;			
--	--	--	--

	<p>21. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>22. Phê duyệt, bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>23. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>			
Điều 12	Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội	Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông	Chi sửa lại tên tiêu đề cho đầy đủ, còn các nội dung khác giữ nguyên vì các nội dung này chỉ về mặt kỹ thuật và đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 146 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14) và Điều 20 Điều lệ Công ty.	
Điều 13	<p>Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết</p> <p>2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết</p> <p>a. Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức</p>	<p>2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết</p> <p>a. Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như không biểu quyết. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết</p>	- Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như không biểu quyết, tức là cổ đông này có tham dự nhưng từ bỏ quyền biểu quyết chứ không thể xem là biểu quyết tán thành vấn đề đó, sự im lặng (không biểu quyết hoặc từ bỏ quyền biểu quyết) là quyền của cổ đông.	

	<p>biểu quyết bằng giờ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tân thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.</p>	<p>nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giờ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tân thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.</p>	<p>- Các nội dung khác giữ nguyên vì các nội dung này chỉ về mặt kỹ thuật và đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 146 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14) và Điều 20 Điều lệ Công ty.</p>	
<p>Điều 14</p>	<p>Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử</p>	<p>Giữ nguyên</p>	<p>Giữ nguyên vì các nội dung này chỉ về mặt kỹ thuật và đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 148 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14) và Điều 21 Điều lệ Công ty.</p>	
<p>Điều 15</p>	<p>Điều 15. Cách thức kiểm phiếu Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách tổng hợp phiếu thẻ/phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.</p>	<p>Điều 15. Cách thức kiểm phiếu Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách tổng hợp phiếu thẻ/phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.</p>	<p>Bỏ đoạn: “Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.” Vì đây là quy định cũ trong Thông tư 121/2012/TT-BTC quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng đã hết hiệu lực, các văn bản thay thế sau này đã bỏ quy định này. Ngoài ra, quy định này dễ bị cố</p>	

			<p>đồng lạm dụng để chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu sẽ rất mất thời gian, ảnh hưởng đến việc lập Nghị quyết, vì thế nào là “<i>vấn đề nhạy cảm</i>” là khái niệm rất trừu tượng. Thông thường Đại hội đồng cổ đông chỉ diễn ra 01 buổi, mà Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp (Điều 150 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14), ngoài ra trong thời hạn 24 giờ công ty phải công bố thông tin bất thường, nên nếu cổ đông yêu cầu <i>chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu</i> thì đại hội không thể kết thúc đúng kế hoạch được. Điều 151 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã quy định cho <i>cổ đông có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết</i> hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Nên nếu không đồng ý với việc kiểm phiếu, cổ đông chỉ có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét,</p>
--	--	--	---

			hủy bỏ nghị quyết.	
Điều 16	Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua	<p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>f) Gia hạn hoạt động công ty;</p> <p>g) Vấn đề khác do Điều lệ này quy định</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và</p>	<p>- Điều chỉnh này (thêm cụm từ “<i>và biểu quyết</i>”) để đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 148 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14) và Điều 21 Điều lệ Công ty.</p> <p>- Tác đoạn đoạn bầu dồn phiếu (bầu thành viên HĐQT và BKS) thành khoản 3 như quy định tương ứng của Điều 21 Điều lệ.</p> <p>- Các nội dung còn lại giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 148, 152 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14) và Điều 21 Điều lệ Công ty.</p>	

khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Các Nghị quyết Đại

		hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.		
Điều 17	Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa/Ban kiểm phiếu kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.	Giữ nguyên	Đã phù hợp Điều 146 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	
Điều 18	Điều 18. Cách thức phân đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Giữ nguyên	Đã phù hợp Điều 132, 151 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	
Điều 19	Điều 19. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Giữ nguyên	Đã phù hợp Điều 150 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	
Điều 20	Điều 20. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Giữ nguyên	Đã phù hợp Điều 150 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	
II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN				
Điều 21	Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	Giữ nguyên	Đã phù hợp Điều 147, 149 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	
Điều 22	Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Giữ nguyên	Giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 147, 148, 149, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14) và Điều 22 Điều lệ Công ty.	

III. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN

<p>Điều 23</p>	<p>Điều 23. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này. Lưu ý: Phiếu biểu quyết/ bầu cử không cần gửi kèm thông báo mời họp.</p>	<p>Giữ nguyên</p>	<p>Vì đã phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành (Điều 140 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14) và Điều 18 Điều lệ công ty.</p>
<p>Điều 24</p>	<p>Điều 24. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến</p>	<p>Giữ nguyên</p>	<p>Giữ nguyên vì các nội dung này chỉ về mặt kỹ thuật và đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 144 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP).</p>
<p>Điều 25</p>	<p>Điều 25. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử 2. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.</p>	<p>Điều 25. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử 2. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.</p>	<p>- Sửa lại tên gọi cho phù hợp: Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam</p> <p>- Nội dung còn lại giữ nguyên vì chỉ là vấn đề kỹ thuật.</p>
<p>Điều 26</p>	<p>Điều 26. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 26. Việc ủy quyền cho người đại diện dự</p>	<p>Khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp số</p>

<p>trực tuyến</p>	<p>họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến</p>	<p>59/2020/QH14 quy</p>
<p>1. Cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại khoản 2 điều 8 Quy chế này.</p> <p>2. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:</p> <p>Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.</p> <p>Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến. - Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền. - Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức. <p>Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức.</p> <p>Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.</p> <p>Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương</p>	<p>1. Cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại khoản 2 điều 8 Quy chế này.</p> <p>2. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:</p> <p>Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.</p> <p>Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin <i>theo mẫu ủy quyền trực tuyến do Công ty ban hành hoặc theo quy định của pháp luật về dân sự</i> và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến. - Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền. - Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính 	<p>định: “Văn bản ủy quyền <i>được lập theo quy định của pháp luật về dân sự</i> và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền.” Do vậy công ty không được bắt buộc cổ đông phải ủy quyền theo mẫu do công ty ban hành, dù là ủy quyền dự họp trực tuyến.</p>

	trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.	gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến. Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.		
Điều 27	Điều 27. Điều kiện tiến hành Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.	Giữ nguyên	Như giải thích ở trên	
Điều 28	Điều 28. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến	Giữ nguyên	Giữ nguyên vì chỉ là vấn đề kỹ thuật và cũng phù hợp Điều 146 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	
Điều 29	Điều 29. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức bỏ phiếu điện tử.	Giữ nguyên	Giữ nguyên vì chỉ là vấn đề kỹ thuật	
Điều 30	Điều 30. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến	Giữ nguyên	Giữ nguyên vì chỉ là vấn đề kỹ thuật. Nhưng cần chú ý là chỉ có Đại hội đồng cổ	

			đồng mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp và Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình theo Điều 145 và Điều 146 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.	
Điều 31	Điều 31. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số biểu quyết tán thành, biểu quyết không tán thành và biểu quyết không ý kiến.	Giữ nguyên	Giữ nguyên vì chỉ là vấn đề kỹ thuật	
Điều 32	Điều 32. Thông báo kết quả kiểm phiếu Căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại Điều 31 Quy chế này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp	Giữ nguyên	Giữ nguyên vì chỉ là vấn đề kỹ thuật và cũng phù hợp Điều 146 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	
Điều 33	Điều 33. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Giữ nguyên	Giữ nguyên vì chỉ là vấn đề kỹ thuật và cũng phù hợp Điều 139 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	
Điều 34	Điều 34. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.	Giữ nguyên	Giữ nguyên vì chỉ là vấn đề kỹ thuật và cũng phù hợp Điều 139 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	

IV. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN

Điều 35	Điều 35. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.	Giữ nguyên	Giữ nguyên vì đã phù hợp với các điều tương ứng của Quy chế
Điều 36	Điều 36. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 và Điều 24 Quy chế này.	Giữ nguyên	Giữ nguyên vì đã phù hợp với các điều tương ứng của Quy chế
Điều 37	Điều 37. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 và Điều 27 Quy chế này.	Giữ nguyên	Giữ nguyên vì đã phù hợp với các điều tương ứng của Quy chế
Điều 38	Điều 38. Điều kiện tiến hành Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.	Giữ nguyên	Giữ nguyên vì đã phù hợp với các điều tương ứng của Quy chế
Điều 39	Điều 39. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 29 Quy chế này.	Giữ nguyên	Giữ nguyên vì đã phù hợp với các điều tương ứng của Quy chế
Điều 40	Điều 40. Cách thức bỏ phiếu Thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 và Điều 30 Quy chế này.	Giữ nguyên	Giữ nguyên vì đã phù hợp với các điều tương ứng của Quy chế
Điều 41	Điều 41. Cách thức kiểm phiếu Thực hiện theo quy định tại Điều 15 và Điều 31 Quy chế này.	Giữ nguyên	Giữ nguyên vì đã phù hợp với các điều tương ứng của Quy chế
Điều 42	Điều 42. Thông báo kết quả kiểm phiếu Thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 32 Quy chế này.	Giữ nguyên	Giữ nguyên vì đã phù hợp với các điều tương ứng của Quy chế
Điều 43	Điều 43. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 33 Quy chế này.	Giữ nguyên	Giữ nguyên vì đã phù hợp với các điều tương ứng của Quy chế
Điều 44	Điều 44. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này	Giữ nguyên	Giữ nguyên vì đã phù hợp với các điều tương ứng của Quy chế

CHƯƠNG 3 – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục 1. Quy định chung

Điều 45	Điều 45. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT	Giữ nguyên	Giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 153 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)
Điều 46	Điều 46. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT	Giữ nguyên	Giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 41 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Điều 153, 159 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều 278, 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)
Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT			
Điều 47	Điều 47. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT	Giữ nguyên	Giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 154 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều 276 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)
Điều 48	<p>Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT</p> <ol style="list-style-type: none"> Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của 01 công ty đại chúng. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại công ty khác. 	<p>Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT</p> <ol style="list-style-type: none"> Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của 01 công ty đại chúng. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng 	<p>- Điều chỉnh lại khoản 3 cho phù hợp với quy định của khoản 3 Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)</p> <p>- Các nội dung còn lại giữ nguyên vì đã phù hợp quy định tại Điều 155, 156 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>

		<p>thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.</p>		
<p>Điều 49</p>	<p>Điều 49. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều 49. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông</p>	<p>Điều chỉnh tỷ lệ tương tự như phần tư vấn ở Điều 25 của Điều lệ công ty.</p>	

		qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.	
Điều 50	<p>Điều 50. Cách thức bầu thành viên HĐQT</p> <p>1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 1 giữ nguyên - Bỏ Khoản 2 để thống nhất với Điều 21 của Điều lệ công ty. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 1 giữ nguyên vì đã phù hợp với khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

	<p>2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.</p>			
Điều 51	Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	Giữ nguyên	Đã phù hợp Điều 160 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	
Điều 52	<p>Điều 52. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của Luật hiện hành</p>	Giữ nguyên	Đã phù hợp Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT-BTC	
Điều 53	Điều 53. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị	Giữ nguyên	Giữ nguyên vì đã phù hợp Điều 274 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP	
Điều 54	<p>Điều 54. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p>	<p>Điều 54. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.</p>	<p>- Bỏ đoạn “Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.” ở khoản 2 để phù hợp khoản 2 Điều 156 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.</p> <p>- Các nội dung còn lại</p>	

			giữ nguyên vì đã phù hợp quy định tại Điều 156 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.
Mục 3 – Thủ lao, lương thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị			
Điều 55	Điều 55. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Giữ nguyên	Đã phù hợp quy định tại 163 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều 28 mẫu Điều lệ ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Mục 4 – Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị			
Điều 56	Điều 56. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm	Giữ nguyên	Đã phù hợp quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14
Điều 57	Điều 57. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường	Giữ nguyên	Đã phù hợp quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14
Điều 58	Điều 58. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát	Giữ nguyên	Đã phù hợp quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14
Điều 59	Điều 59. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	Giữ nguyên	Đã phù hợp quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14
Điều 60	Điều 60. Cách thức biểu quyết 3. Biểu quyết a. Trừ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết; b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp	Điều 60. Cách thức biểu quyết 3. Biểu quyết a. Trừ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc	- Bỏ cụm: “Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết” trương tự như phần tư

	<p>đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p>	<p>họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p>	<p>vấn ở Điều 30 của Điều lệ công ty.</p> <p>- Các nội dung còn lại giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của Điều 30 Điều lệ công ty.</p>	
Điều 61	Điều 61. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị	Giữ nguyên	Đã phù hợp quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	
Điều 62	Điều 62. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị	Giữ nguyên	Đã phù hợp quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	
Điều 63	<p>Điều 63. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Thời gian, địa điểm họp;</p> <p>c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;</p> <p>d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</p> <p>e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo</p>	<p>Điều 63. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Thời gian, địa điểm họp;</p> <p>c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;</p> <p>d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc</p>	<p>- Tái cấu trúc thành các khoản để dễ theo dõi</p> <p>- Bỏ đoạn cuối: “<i>Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty</i>” vì trùng với khoản 2.</p>	

<p>trình tự diễn biến của cuộc họp;</p> <p>g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điều 64 Quy chế này.</p> <p>Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</p> <p>Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p> <p>Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p> <p>Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</p>	<p>người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</p> <p>e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</p> <p>g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điều 64 Quy chế này.</p> <p>2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</p> <p>3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong</p>		
--	--	--	--

		biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng. 4. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.		
Điều 64	Điều 64. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Điều 63 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực.	Giữ nguyên	Đã phù hợp với khoản 6 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15	
Điều 65	Điều 65. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị	Giữ nguyên	Đã phù hợp Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT-BTC	
Mục 5 - Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị				
Điều 66	Điều 66. Các tiêu ban trực thuộc HĐQT	Giữ nguyên	Đã phù hợp Điều 31 mẫu Điều lệ ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC	
Mục 6 - Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty				
Điều 67	Điều 67. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty	Giữ nguyên	Đã phù hợp Điều 32 mẫu Điều lệ ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC, Điều 281 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP	
Điều 68	Điều 68. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	Giữ nguyên	Đã phù hợp Điều 32 mẫu Điều lệ ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC, Điều 281 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP	
Điều 69	Điều 69. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty 1. HĐQT có thể bãi nhiệm/miễn	Điều 69. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị	Bỏ khoản 2 vì ĐHCĐ không có quyền này theo Điều	

	<p>nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>công ty</p> <p>Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm/miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.</p>	<p>138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều lệ công ty, đồng thời để tránh tình trạng một chức danh mà do hai cơ quan quyết định việc bãi nhiệm sẽ chông chéo thẩm quyền.</p>	
Điều 70	Điều 70. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	Giữ nguyên	Đã phù hợp Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT-BTC	
Điều 71	Điều 71. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty	Giữ nguyên	Điều 281 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP	
CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT				
Mục 1. Quy định chung				
Điều 72	Điều 72. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	Giữ nguyên	Đã phù hợp Điều 170 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 Điều 287, Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP	
Mục 2. Quy định về Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát				
Điều 73	Điều 73. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu thành viên Ban kiểm soát	Giữ nguyên	Đã phù hợp Điều 168 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 Điều 287, Điều 286 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP	
Điều 74	Điều 74. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát	Giữ nguyên	Đã phù hợp Điều 168 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 Điều 287, Điều 286 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP	
Điều 75	<p>Điều 75. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ Công ty. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền</p>	<p>Điều 75. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại</p>	<p>Lý do tương tự như Điều 37 của Điều lệ công ty</p>	

gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử tương tự theo quy định tại Khoản 3 Điều 49 Quy chế này. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

khoản 1, Điều 25 Điều lệ Công ty. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử tương tự theo quy định tại Khoản 3 Điều 49 Quy chế này. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải

		được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.		
Điều 76	Điều 76. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát	Giữ nguyên	Phù hợp Điều 148 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	
Điều 77	Điều 77. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	Giữ nguyên	Phù hợp Điều 174 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	
Điều 78	Điều 78. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	Giữ nguyên	Phù hợp Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT-BTC	
Điều 79	Điều 79. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát	Giữ nguyên	Phù hợp Điều 172 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	

CHƯƠNG 5 - TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 80	Điều 80. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc	Giữ nguyên	Phù hợp Điều 162 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	
Điều 81	Điều 81. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc	Giữ nguyên	Phù hợp Điều 162 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	
Điều 82	Điều 82. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc	Giữ nguyên	Phù hợp Điều 162 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 27 và Điều 35 Điều lệ công ty.	
Điều 83	Điều 83. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc	Giữ nguyên	Đã phù hợp Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT-BTC	
Điều 84	Điều 84. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc	Giữ nguyên	Phù hợp Điều 163 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	

CHƯƠNG 6 – CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Mục 1 – Quy định về phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Điều 85	Điều 85. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT,	Giữ nguyên	Phù hợp Điều lệ và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	
---------	---	------------	--	--

	<p>Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Mục 4 Chương 3 Quy chế này.</p>			
Điều 86	<p>Điều 86 Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát Nghị quyết/ Quyết định, biên bản họp HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.</p>	Giữ nguyên	Phù hợp Điều lệ và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	
Điều 87	<p>Điều 87. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Tổng Giám đốc Nghị quyết/Quyết định HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.</p>	Giữ nguyên	Phù hợp Điều lệ và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	
Điều 88	<p>Điều 88. Các trường hợp Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT 2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT: a. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; b. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty; c. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với</p>	<p>2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT: e. Xin ý kiến HĐQT đối với Bảng Báo cáo tài chính kiểm toán (<i>bao gồm cả Báo cáo tình hình tài chính; Báo cáo kết quả hoạt động; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Thuyết minh báo cáo tài chính; Báo cáo khác theo quy định của pháp luật</i>) cho từng năm tài chính phải được trình đề HĐQT thông qua;</p>	<p>- Sửa đổi điểm e khoản 2 cho phù hợp khoản 6 Điều 2 Luật số: 56/2024/QH15: “6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 29 (Luật Kế toán) như sau: “1. Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán dùng để tổng hợp và thuyết minh về tình hình tài chính và kết quả hoạt động của đơn vị kế toán. Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán phải được lập và</p>	

	<p>người lao động và người điều hành doanh nghiệp.</p> <p>d. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p> <p>e. Xin ý kiến HĐQT đối với Bảng Báo cáo tài chính kiểm toán (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua;</p> <p>f. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>g. Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;</p> <p>h. Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.</p>		<p>trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán mà đơn vị áp dụng, gồm:</p> <p>a) Báo cáo tình hình tài chính;</p> <p>b) Báo cáo kết quả hoạt động;</p> <p>c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;</p> <p>d) Thuyết minh báo cáo tài chính;</p> <p>đ) Báo cáo khác theo quy định của pháp luật.”</p> <p>- Các nội dung còn lại giữ nguyên vì đã phù hợp Điều lệ và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>	
Điều 89	Điều 89. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao	Giữ nguyên	Phù hợp Điều lệ và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	
Điều 90	Điều 90. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Giám đốc	Giữ nguyên	Phù hợp Điều lệ và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	
Điều 91	Điều 91. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS	Giữ nguyên	Phù hợp Điều lệ và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (Điều 167)	
Điều 92	Điều 92. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên	Giữ nguyên	Pháp luật không quy định cơ chế phối hợp này.	

Mục 2 – Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

Điều 93	Điều 93. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác	Giữ nguyên	Pháp luật không quy định cơ chế đánh giá này
Điều 94	Điều 94. Khen thưởng	Giữ nguyên	Pháp luật không quy định cơ chế đánh giá này
Điều 95	Điều 95. Kỷ luật	Giữ nguyên	Pháp luật không quy định cơ chế kỷ luật này, chỉ có quy định về trách nhiệm của người quản lý và khởi kiện người quản lý (Điều 165, Điều 166 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

CHƯƠNG 7 - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 96	Điều 96. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty	Giữ nguyên	Phù hợp Điều lệ và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (Điều 138)
---------	--	------------	---

CHƯƠNG 8 - NGÀY HIỆU LỰC

Điều 97	Điều 97. Ngày hiệu lực	Giữ nguyên	Phù hợp Điều lệ và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (Điều 138)
---------	------------------------	------------	---

**PHỤ LỤC 2.1 KÈM THEO TỜ TRÌNH 04 ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
2025**

V/v tư vấn rà soát, sửa đổi, bổ sung

Quy chế hướng dẫn tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử của Saigontel

**BẢNG TỔNG HỢP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HƯỚNG DẪN THAM DỰ HỌP ĐẠI
HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN VÀ THỰC HIỆN BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ - CÔNG TY
CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỆN THÔNG SÀI GÒN (SAIGONTEL)**

Điều khoản	NỘI DUNG QUY CHẾ HƯỚNG DẪN THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN VÀ THỰC HIỆN BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ			
	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (Những nội dung không được đề cập ở cột này là nội dung cần giữ nguyên như trong Quy chế hiện hành)	QUY CHẾ ĐIỀU CHỈNH	GIẢI TRÌNH LÝ DO VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG				
Điều 1	Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng Quy chế này quy định về việc tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử của đại biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn (sau đây gọi là Công ty).	Giữ nguyên	Phạm vi và đối tượng áp dụng do công ty tự quy định	
Điều 2	Điều 2. Giải thích từ ngữ	Giữ nguyên	Các thuật ngữ mang tính kỹ thuật, cũng đã phù hợp với quy định của pháp luật (Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13...)	
CHƯƠNG II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ				
Điều 3	Điều 3. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông Công ty thực hiện các quy định theo Điều 18 Điều lệ Công ty.	Giữ nguyên	Vi đã phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành (Điều 143 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14) và Điều 18 Điều lệ công ty	
Điều 4	Điều 4. Điều kiện, cách thức Đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử	Giữ nguyên	Vi đã phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành (Điều 144 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14). Ngoài	

			ra các nội dung pháp luật không quy định thì Quy chế có quyền quy định thêm để đảm bảo cho công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến diễn ra theo thông lệ chung.	
Điều 5	Điều 5. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử	Giữ nguyên	Chỉ là vấn đề kỹ thuật	
Điều 6	Điều 6. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 4 Quy chế này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.	Điều 6. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 4 Quy chế này.	Bỏ đoạn: “và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.” vì việc biểu quyết (bỏ phiếu điện tử) là quyền của cổ đông, có thể cổ đông dự họp mà không biểu quyết. Do vậy chỉ cần cổ đông đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 4 Quy chế này là đã được xem là cổ đông đó đã tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến.	
Điều 7	Điều 7. Quy định về ủy quyền trực tuyến c. Hiệu lực của ủy quyền: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau: - Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến. - Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký,	Điều 7. Quy định về ủy quyền trực tuyến c. Hiệu lực của ủy quyền: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau: - Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến do Công ty ban	- Chính sử điểm c vì khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 quy định: “Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy	

	<p>ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.</p> <p>- Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức.</p>	<p>hành hoặc theo quy định của pháp luật về dân sự và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.</p> <p>- Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến do Công ty ban hành hoặc theo quy định của pháp luật về dân sự, có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.</p> <p>- Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức.</p>	<p>quyền.” Do vậy công ty không được bắt buộc cổ đông phải ủy quyền theo mẫu do công ty ban hành, dù là ủy quyền dự họp trực tuyến.</p> <p>- Các nội dung khác giữ nguyên vì chỉ là vấn đề kỹ thuật.</p>
Điều 8	Điều 8. Thời gian bỏ phiếu điện tử	Giữ nguyên	Giữ nguyên vì chỉ là vấn đề kỹ thuật.
Điều 9	Điều 9. Cách thức bỏ phiếu điện tử	Giữ nguyên	Giữ nguyên vì chỉ là vấn đề kỹ thuật.
Điều 10	<p>Điều 10. Cách thức kiểm phiếu</p> <p>Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số thẻ tán thành, số thẻ không tán thành và số thẻ không ý kiến.</p> <p>Biên bản kiểm phiếu là biên bản ghi nhận kết quả kiểm phiếu của tất cả các Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử.</p> <p>Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, công ty phải chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.</p>	<p>Điều 10. Cách thức kiểm phiếu</p> <p>Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số thẻ tán thành, số thẻ không tán thành và số thẻ không ý kiến.</p> <p>Biên bản kiểm phiếu là biên bản ghi nhận kết quả kiểm phiếu của tất cả các Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử.</p>	<p>Bỏ đoạn: “Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.”</p> <p>Vì đây là quy định cũ trong Thông tư 121/2012/TT-BTC quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng đã hết hiệu lực, các văn bản thay thế sau này đã bỏ quy định này. Ngoài ra, quy định này dễ bị cổ đông lạm dụng để chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập</p>

			<p>và kiểm phiếu sẽ rất mất thời gian, ảnh hưởng đến việc lập Nghị quyết, vì thế nào là “<i>vấn đề nhạy cảm</i>” là khái niệm rất trừu tượng. Thông thường Đại hội đồng cổ đông chỉ diễn ra 01 buổi, mà Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp (Điều 150 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14), ngoài ra trong thời hạn 24 giờ công ty phải công bố thông tin bắt thường, nên nếu cổ đông yêu cầu <i>chi định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu</i> thì đại hội không thể kết thúc đúng kế hoạch được. Điều 151 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã quy định cho <i>cổ đông có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết</i> hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Nên nếu không đồng ý với việc kiểm phiếu, cổ đông chỉ có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết.</p>	
<p>Điều 11</p>	<p>Điều 11. Thông báo kết quả kiểm phiếu</p>	<p>Giữ nguyên</p>	<p>Giữ nguyên vì chỉ là vấn đề kỹ thuật.</p>	

	Căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại Điều 10 Quy chế này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.			
Điều 12	Điều 12. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Việc yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty.	Giữ nguyên	Đã phù hợp Điều 151 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều 24 Điều lệ Công ty	
Điều 13	Điều 13. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và hình thức thông qua		Đã phù hợp Điều 146, 150 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều 23 Điều lệ Công ty.	
Điều 14	Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại biểu khi tham gia bỏ phiếu điện tử	Giữ nguyên	Giữ nguyên vì các nội dung này chi về mặt kỹ thuật và đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 115 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14) và Điều 21 Điều lệ Công ty.	
Điều 15	Điều 15. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến	Giữ nguyên	Giữ nguyên vì các nội dung này chi về mặt kỹ thuật và đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 146 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14) và Điều 20 Điều lệ Công ty.	
Điều 16	Điều 16. Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng a. Trong thời gian diễn ra việc tổ chức Đại hội cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu	Điều 16. Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng a. Trong thời gian diễn	Vì về nguyên tắc các vấn đề cổ đông đã bỏ phiếu hợp lệ trước khi xảy ra sự kiện bất khả kháng thì vẫn có giá trị	

<p>điện tử, có thể xảy ra những sự kiện bất khả kháng (ngoài tầm kiểm soát của Công ty) tại địa điểm Chủ tọa điều hành Đại hội (không bao gồm các sự kiện bất khả kháng đối với một hay một số đại biểu tham dự) như: thiên tai, hỏa hoạn, mất điện hoặc mất kết nối đường truyền internet, sự cố kỹ thuật tại địa điểm Chủ tọa điều hành Đại hội, các yêu cầu hay chỉ thị của Chính phủ và các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền khác....</p> <p>b. Trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng và không thể khắc phục để Đại hội có thể diễn ra tiếp tục trong thời gian 60 phút, Chủ tọa sẽ tuyên bố tạm dừng Đại hội, tất cả các vấn đề đã được biểu quyết thông qua trước khi tạm dừng (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. Các vấn đề này sẽ được tiến hành biểu quyết lại trong Đại hội cổ đông được triệu tập gần nhất.</p>	<p>ra việc tổ chức Đại hội cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, có thể xảy ra những sự kiện bất khả kháng (ngoài tầm kiểm soát của Công ty) tại địa điểm Chủ tọa điều hành Đại hội (không bao gồm các sự kiện bất khả kháng đối với một hay một số đại biểu tham dự) như: thiên tai, hỏa hoạn, mất điện hoặc mất kết nối đường truyền internet, sự cố kỹ thuật tại địa điểm Chủ tọa điều hành Đại hội, các yêu cầu hay chỉ thị của Chính phủ và các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền khác....</p> <p><i>b. Trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng và không thể khắc phục để Đại hội có thể diễn ra tiếp tục trong thời gian 60 phút, Chủ tọa sẽ tuyên bố tạm dừng Đại hội, tất cả các vấn đề đã được biểu quyết thông qua trước khi tạm dừng (nếu có) vẫn có hiệu lực. Các vấn đề này không tiến hành biểu quyết lại trong Đại hội cổ đông được triệu tập gần nhất.</i></p>	<p>và công ty hay bất kỳ chủ thể nào cũng không được quyền hủy bỏ các kết quả biểu quyết này. Ngoài ra, các vấn đề biểu quyết này đã được lưu giữ tại máy chủ của công ty nên không cần biểu quyết lại tại cuộc họp sau đó để tránh mất thời gian.</p>
---	--	--

CHƯƠNG III. ĐIỀU KHOẢN KHÁC

<p>Điều 17</p>	<p>Điều 17. Điều khoản khác Các nội dung liên quan khác không đề cập trong Quy chế này mặc nhiên thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quy định pháp luật có liên quan.</p>	<p>Giữ nguyên</p>	<p>Chỉ là vấn đề kỹ thuật</p>
-----------------------	--	-------------------	-------------------------------

	Quy chế này là một Phụ lục đính kèm trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty			
Điều 18	Điều 18. Hiệu lực thi hành Quy chế này này gồm 3 Chương, 18 Điều và có hiệu lực từ ngày ban hành. Đại biểu, các cá nhân, tổ chức, phòng ban liên quan đến Đại hội đồng cổ đông trực tuyến của Công ty có trách nhiệm thực hiện theo Quy chế này.	Giữ nguyên	Chỉ là vấn đề kỹ thuật văn bản	

PHỤ LỤC 03 KÈM THEO TỜ TRÌNH 04 ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025

V/v trình vấn đề soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Saigontel

BẢNG TỔNG HỢP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỆN THÔNG SÀI GÒN (SAIGONTEL)



Điều khoản	NỘI DUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (Những nội dung không được đề cập ở cột này là nội dung cần giữ nguyên như trong Quy chế hiện hành)	QUY CHẾ ĐIỀU CHỈNH	GIẢI TRÌNH LÝ DO VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ	GHI CHÚ



PHÂN CĂN CỨ

<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019; - Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; - Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn hiện hành; - Căn cứ Nghị quyết của ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn về việc ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị số:..... ngày...../...../..... 	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019; - Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; - Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc Hội sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính 2024 - Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2022; - Căn cứ Nghị định số 	<p>Bổ sung thêm các Luật sửa đổi bổ sung Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp mới nhất. Tuy nhiên cũng có thể không cần bổ sung vì khi đề cập đến đạo luật có thể hiểu gồm cả các sửa đổi, bổ sung nếu có.</p>
---	---	---

		<p>155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn hiện hành; - Căn cứ Nghị quyết của ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn về việc ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị số:..... ngày...../...../..... 		
Điều 1	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	Giữ nguyên	Đã phù hợp Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số	

			54/2019/QH14 và Điều lệ công ty	
Điều 2	Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	Giữ nguyên	Vì đã phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành (Điều 157, 162 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14) và Điều lệ công ty	Nhiều công ty đại chúng cũng quy định tương tự
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
Điều 3	Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	Giữ nguyên	Vì đã phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành (Điều 153, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 277 Nghị định 155/2020/NĐ-CP)	Nhiều công ty đại chúng cũng quy định tương tự
Điều 4	Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	Giữ nguyên	Vì đã phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành (Điều 159 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14)	Nhiều công ty đại chúng cũng quy định tương tự
Điều 5	Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 05 người và nhiều nhất là 11 người.	Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị “1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 05 người và nhiều nhất là 11 người. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại từng thời điểm.” - Các khoản khác của Điều này đề xuất giữ nguyên	- Khoản 1 Điều 154 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 quy định: “1. Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.” Do đó Điều lệ Công ty phải có quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị. Công ty sẽ chủ động hơn khi xác định số lượng thành viên Hội đồng quản trị từng thời điểm/nhiệm kỳ - Các khoản khác của Điều này đề xuất	Nhiều công ty đại chúng cũng quy định tương tự

			giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 154 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 276 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)	
Điều 6	<p>Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;</p>	<p>Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.</p>	<p>- Điều chỉnh lại điểm c cho phù hợp với quy định của khoản 3 Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP:</p> <p>“Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng <i>chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.</i>”</p> <p>- Các nội dung còn lại giữ nguyên vì đã phù hợp quy định tại Điều 155, 156 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.</p>	
Điều 7	Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị	Giữ nguyên	Giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành (Điều 156 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14).	Nhiều công ty đại chúng cũng quy định tương tự
Điều 8	Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	Giữ nguyên	Giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành (Điều 160 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14).	Nhiều công ty đại chúng cũng quy định tương tự

			nghiệp số 59/2020/QH14)	định tương tự
Điều 9	Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau: a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị 2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và	Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau: a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề	- Sửa tỉ lệ : “dưới 90%” thành “đến 90%” ở điểm a khoản 1 vì theo cấu trúc vốn và cấu trúc cổ đông của công ty đại chúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 33 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Luật số 56/2024/QH15” thì cổ đông lớn của công ty đại chúng có thể nắm đến 90% số cổ phiếu có quyền biểu quyết. - Các khoản còn lại đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Khoản 3 Điều 115 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản Điều 274 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Điều 25 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC) - Khoản 4 chỉ nên quy định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm vì việc bầu thì khoản 3 đã quy định. - Bỏ khoản 5 vì khoản 3 đã chọn phương thức bầu dồn phiếu.	Nhiều công ty đại chúng cũng quy định tương tự



ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo nguyên tắc bỏ phiếu. Tỷ lệ thông qua được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

5. Nếu số ứng viên bầu nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn

cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo nguyên tắc bỏ phiếu. Tỷ lệ thông qua được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 10	Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	Giữ nguyên	Đã phù hợp với Điều 274 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT-BTC	Nhiều công ty đại chúng cũng quy định tương tự
---------	---	------------	---	--

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11	Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Giữ nguyên	Đã phù hợp Điều 153 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	
Điều 12	Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	Giữ nguyên	Đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 153, 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)	Nhiều công ty đại chúng cũng quy định tương tự
Điều 13	Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	Giữ nguyên	Đã phù hợp Điều 140 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	
Điều 14	Điều 14. Các tiêu ban giúp việc Hội đồng quản trị	Giữ nguyên	Đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 31 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)	

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15	<p>Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị</p> <p>11. Biểu quyết tại cuộc họp HĐQT:</p> <p>a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 15 Quy chế này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền hợp lệ theo quy định tại khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng,</p>	<p>Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị</p> <p>11. Biểu quyết tại cuộc họp HĐQT:</p> <p>a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 15 Quy chế này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền hợp lệ theo quy định tại khoản 9 Điều này</p>	<p>- Bỏ đoạn: “Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;”</p> <p>ở điểm b khoản 11 này vì Khoản 3 Điều</p>	Nhiều công ty đại chúng cũng quy định tương tự
---------	---	---	--	--

	<p>các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p>	<p>trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.</p>	<p>167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Khoản 4 Điều 291 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP chi quy định thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó, chứ không có quy định thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết. Việc không được biểu quyết và việc tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị là hai vấn đề khác nhau. Do vậy, Quy chế này không được quy định loại bỏ sự có mặt của thành viên Hội đồng quản trị khi tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp. Đây là quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30</p>
--	---	---	---

			<p>Điều lệ mẫu của Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng đã hết hiệu lực.</p> <p>- Các khoản còn lại giữ nguyên vì đã phù hợp Điều 157 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>	
<p>Điều 16</p>	<p>Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Thời gian, địa điểm họp;</p> <p>c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;</p> <p>d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</p> <p>đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</p> <p>g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán</p>	<p>Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Thời gian, địa điểm họp;</p> <p>c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;</p> <p>d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ,</p>	<p>- Sửa đổi khoản 2 Điều 16 này cho phù hợp với Luật số 03/2022/QH15 (khoản 6 Điều 7): “2.Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm</p>	<p>Nhiều công ty đại chúng cũng quy định tương tự</p>

<p>thành và không có ý kiến;</p> <p>h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thì các thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký biên bản họp và ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Tuy nhiên, nếu biên bản họp được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</p> <p>3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p>	<p>tên các thành viên không dự họp và lý do;</p> <p>đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</p> <p>g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người</p>	<p>liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.”</p> <p>- Các nội dung còn lại giữ nguyên vì đã phù hợp Điều 158 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>
---	--	---



		<p>ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.</p> <p>3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p>		
--	--	---	--	--

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

<p>Điều 17</p>	<p>Điều 17. Trình báo cáo hằng năm</p>	<p>Giữ nguyên</p>	<p>Đã phù hợp Điều 175 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>	<p>Nhiều công ty đại chúng cũng quy định tương tự</p>
<p>Điều 18</p>	<p>Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng</p>	<p>Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>- Bỏ đoạn: "(hoặc chia đều trong trường hợp không có thoả</p>	<p>Nhiều công ty đại chúng cũng quy</p>

	<p>cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí (hoặc chia đều trong trường hợp không có thỏa thuận hoặc không thỏa thuận được). Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên</p>	<p>1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên</p>	<p><i>thuận hoặc không thỏa thuận được</i>)” tại khoản 2 Điều 18 này vì thù lao ở đây không phải là quan hệ hợp đồng nên không đặt ra vấn đề thỏa thuận. Ngoài ra, Điều 163 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều 28 Điều lệ công ty cũng không có quy định về việc chia đều nếu không thỏa thuận được này.</p> <p>- Các nội dung còn lại giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật Điều 163 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14) và Điều 28 Điều lệ Công ty.</p>	<p>định tương tự</p>
Điều 19	Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan	Giữ nguyên	Vì đã phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành (Điều 164 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14) và Điều 18 Điều lệ công ty.	Nhiều công ty đại chúng cũng quy định tương tự
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
Điều 20	Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	Giữ nguyên	Vấn đề phối hợp này Luật không quy định, do đó công ty có quyền quy định riêng.	Nhiều công ty đại chúng cũng quy định tương tự
Điều 21	Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra,	Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết, quyết định để Tổng Giám đốc	Thêm từ “ <i>quyết định</i> ” vì Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (Điều 157, 162) bổ sung thêm một hình thức văn bản của Hội	Nhiều công ty đại chúng cũng quy định tương tự

	giám sát thực hiện các nghị quyết	và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, quyết định đó.	đồng quản trị là “quyết định” bên cạnh “nghị quyết”.	
Điều 22	Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát	Giữ nguyên	Vấn đề phối hợp này Luật không quy định, do đó công ty có quyền quy định riêng.	Nhiều công ty đại chúng cũng quy định tương tự
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH				
Điều 23	Điều 23. Hiệu lực thi hành	Giữ nguyên	Giữ nguyên vì chỉ là vấn đề kỹ thuật, cần điều chỉnh thời gian ban hành cho phù hợp khi quy chế được thông qua.	Nhiều công ty đại chúng cũng quy định tương tự



PHỤ LỤC 04 KÈM THEO TỜ TRÌNH 04 ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025

V/v tư vấn rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Saigontel

**BẢNG TỔNG HỢP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT-
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG SÀI GÒN (SAIGONTEL)**



Điều khoản	NỘI DUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT			
	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (Những nội dung không được đề cập ở cột này là nội dung cần giữ nguyên như trong Quy chế hiện hành)	QUY CHẾ ĐIỀU CHỈNH	GIẢI TRÌNH LÝ DO VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ	GHI CHÚ



PHẦN CĂN CỨ

	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019; - Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; - Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần cổ phần Công nghệ - Viễn Thông Sài Gòn.; - Căn cứ Nghị quyết của ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát số:..... ngày...../...../..... 	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019; - Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; - Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc Hội sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính 2024 - Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2022; - Căn cứ Nghị định số 	<p>Bổ sung thêm các Luật sửa đổi bổ sung Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp mới nhất. Tuy nhiên cũng có thể không cần bổ sung vì khi đề cập đến đạo luật có thể hiểu gồm cả các sửa đổi, bổ sung nếu có.</p>	
--	--	---	---	--

		<p>155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn hiện hành; - Căn cứ Nghị quyết của ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn về việc ban hành quy chế hoạt động của Ban kiểm soát <p>số: ngày...../...../.....</p>		
--	--	---	--	--

ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ	ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. Thành viên Ban kiểm soát là Kiểm soát viên. 2. Điều lệ là Điều lệ Công ty cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn 3. Luật Doanh nghiệp là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành; 4. Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;	ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. “Thành viên Ban kiểm soát” là Kiểm soát viên. 2. “Điều lệ” là Điều lệ Công ty cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn. 3. “Luật Doanh nghiệp” là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành; 4. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.	Để dấu ngoặc kép vào các thuật ngữ được định nghĩa cho rõ ràng hơn.
Điều 1	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	Giữ nguyên	Đã phù hợp Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Điều lệ công ty
Điều 2	Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát	Giữ nguyên	Vì đã phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành (Điều 170 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14) và Điều lệ công ty
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT			
Điều 3	Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát	Giữ nguyên	Vì đã phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành (Điều 170, 173, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14), Điều 287, 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP)
Điều 4	Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành	Giữ nguyên	Vì đã phù hợp với quy

	viên Ban kiểm soát		định của pháp luật hiện hành (Điều 168 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14)
Điều 5	Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	Giữ nguyên	Giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 169 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 286 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)
Điều 6	Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát	Giữ nguyên	Giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 168 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14)
Điều 7	<p>Điều 7. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [5%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Thành viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật</p>	<p>Điều 7. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Thành viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ</p>	<p>- Vì theo cấu trúc vốn và cấu trúc cổ đông của công ty đại chúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Luật số: 56/2024/QH15” thì cổ đông lớn của công ty đại chúng có thể nắm đến 90% số cổ phiếu có quyền biểu quyết.</p> <p>- Các khoản còn lại đề xuất giữ nguyên vì đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 168 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 285 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Điều 36 Điều lệ mẫu - Thông tư số 116/2020/TT-BTC)</p>


	<p>Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p>	<p>50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p>		
--	--	--	--	--

<p>Điều 8</p>	<p>Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.</p> <p>3. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Ban Kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Ban Kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như Khoản 2 Điều này hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.</p>	<p>Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm</p>	<p>- Bỏ khoản 3 để thống nhất với Điều 21 của Điều lệ công ty, vì đã thống nhất phương thức bầu dồn phiếu khi bầu thành viên HĐQT và BKS.</p> <p>- Bổ sung mới khoản 3 quy định về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.</p>
----------------------	--	--	---

soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

3. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo nguyên tắc bỏ phiếu. Tỷ lệ thông qua được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 9	Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	Giữ nguyên	Đã phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 174 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14)	
Điều 10	Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	Giữ nguyên	Đã phù hợp Điều 274 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT-BTC)	
CHƯƠNG III - BAN KIỂM SOÁT				
Điều 11	Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	Giữ nguyên	Đã phù hợp Điều 170 và các quy định khác có liên quan của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	
Điều 12	Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	Giữ nguyên	Đã phù hợp Điều 171 và các quy định khác có liên quan của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	
Điều 13	Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	Giữ nguyên	Đã phù hợp Điều 140 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	
CHƯƠNG IV - CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT				
Điều 14	Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát	Giữ nguyên	Đã phù hợp Điều 289 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP	
Điều 15	Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát	Giữ nguyên	Đã phù hợp Điều 289 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP	
CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH				
Điều 16	Điều 17. Trình báo cáo hằng năm	Giữ nguyên	Đã phù hợp Điều 175 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	
Điều 17	Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác	Giữ nguyên	Đã phù hợp với quy định của pháp luật Điều 172 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	
Điều 18	Điều 18. Công khai các lợi ích liên	Giữ nguyên	Vì đã phù hợp với quy	

18	quan		định của pháp luật hiện hành (Điều 164 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14) và Điều 291 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP	
CHƯƠNG VI - MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT				
Điều 19	Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát	Giữ nguyên	Vấn đề phối hợp này Luật không quy định, do đó công ty có quyền quy định riêng.	
Điều 20	Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành	Giữ nguyên	Vấn đề mối quan hệ này Luật không quy định, do đó công ty có quyền quy định riêng.	
Điều 21	Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	Giữ nguyên	Vấn đề mối quan hệ này Luật không quy định, do đó công ty có quyền quy định riêng.	
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH				
Điều 22	Điều 22. Hiệu lực thi hành	Giữ nguyên	Giữ nguyên vì chỉ là vấn đề kỹ thuật, cần điều chỉnh thời gian ban hành cho phù hợp khi quy chế được thông qua.	